TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 225/2024/DS-PT
Ngày: 05/4/2024
V/v Tranh chấp hợp đồng dịch vụ pháp lý

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Tuấn Anh

Các thẩm phán: Ông Phí Thành Chung

Bà Nguyễn Thu Hồng

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hưng Thịnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội*:** Bà Hoàng Vĩnh Thảo - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 609/2023/TLPT-DS ngày 20/12/2023 về "*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ pháp lý*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2023/DS-ST ngày 27/7/2023 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 153/2024/QĐ-PT ngày 19/3/2024, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn***: **Bà Trần Thị Kim H**, sinh năm 1962. Nơi ĐKHKTT: Tổ 23 phường L, quận L, Thành phố Hà Nội; Nơi ở hiện nay: A C, phường L, quận L, Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị Kim C; sinh năm 1972 và Ông Vũ Mạnh H1; sinh năm 1964. Cùng đăng ký hộ khâu thường trú tại: 111/8/19 KP3A phường T, quận A, thành phố Hồ Chí Minh; hiện ở tại: S ngõ F L, phường X, quận T, Thành phố Hà Nội.

Vắng mặt và có đơn vắng mặt

**** Bị đơn***: **Công ty L4;** Địa chỉ: D H, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Mạnh C1 - Giám đốc.

Vắng mặt và có đơn vắng mặt

***Người làm chứng**: 1- Bà Lê Thị T1, sinh năm 1963; Địa chỉ: số nhà D ngõ A đường B, phường L, quận L, Hà Nội.

Vắng mặt

2- Bà Phan Thị Thương H2, sinh năm 1984; Địa chỉ: số nhà A tổ H phường T, quận L, Hà Nội.

Vắng mặt

Người kháng cáo: Bà Trần Thị Kim H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

**** Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Kim H và người đại diện theo ủy quyền của bà B là bà Vũ Thị Kim C, ông Vũ Mạnh H1 trình bày:***

Năm 2015 bà Trần Thị Kim H có tham gia vào Công ty T4 kinh doanh đa cấp và bị lừa thế chấp để vay tiền tham gia vào Công ty. Năm 2019 trong lúc hoang mang lo lắng thì bà H được bà Lê Thị T1 ở gần nhà chia sẻ cho cả nhóm những người bị hại ở quận L và được bà Phan Thị T2 H2 giới thiệu nên mọi người biết đến luật sư Vũ Mạnh C1 – giám đốc Công ty L4. Tối ngày 30/7/2019 bà H đã đến nhà bà T1, lúc đó ông C1 đang tư vấn cho nhiều người. Ông C1 cho biết ông sẽ giúp được mọi người lấy lại được tài sản là "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" đã bị Công ty T4 lừa. Do tin tưởng ông C1 nên bà H đã ký Hợp đồng dịch vụ pháp lý với ông C1 số 07/2019/HĐPL-HN cùng ngày 30/7/2019 tại nhà bà T1 và bà H nộp luôn 50.000.000 đồng cho ông C1 có ghi Phiếu thu tiền. Được biết nhiệm vụ của ông C1 là gửi đơn đi các cơ quan ban ngành, nhưng ông C1 không làm gì cho ai trong số 12 người đã nộp tiền cho ông C1, ngoài tờ đơn tập thể ông C1 nói gửi Cơ quan công an ở E L, H, Hà Nội thì ông C1 có nói bà H và bà T1 cùng đi nộp, khi tới nơi ông C1 bảo 2 bà ngồi ngoài chờ ở phòng khách chứ không được vào, còn ông C1 vào làm việc, một lúc sau ông C1 ra và nói đã gửi đơn và hai bà đi về. Theo Hợp đồng dịch vụ pháp lý nói trên thì số tiền 50.000.000 đồng không hoàn lại trong bất cứ trường hợp nào với điều kiện ông C1 phải thực hiện điều 1.1 và 1.2 như:

"*Thu thập, xác minh nghiên cứu và đánh giá hồ sơ tài liệu chứng cứ trong vụ việc tranh chấp vay nợ, thế chấp, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do bà H là chủ sở hữu và bà H cho rằng tài sản trên bị lừa đảo và chiếm đoạt*" nhưng ông C1 chưa yêu cầu bà cung cấp bất cứ giấy tờ gì về vụ việc nói trên, cũng như ông C1 chưa thu thập chứng cứ gì, như vậy ông C1 thu tiền của bà 50.000.000 đồng mà không hoàn lại trong mọi trường hợp là không thỏa đáng mặc dù giao kết này là tự nguyện nhưng nó có điều khoản đi kèm phải thực hiện được 02 điều: 1.1 và 1.2 ghi trong Hợp đồng. Sau sự việc này bà đã gọi điện nhưng ông C1 không nghe máy, đến nhà ông C1 tìm thì vợ ông C1 nói ông không có nhà, đến trụ sở công ty Luật của ông C1 cùng không gặp được, các bà làm đơn gửi tới văn phòng làm việc của ông C1 qua đường bưu điện cũng không có hồi âm. Bà H đề nghị làm rõ nghĩa vụ của Công ty L4 ông Vũ Mạnh C1 đã làm được những việc gì như đã nêu tại điều 1.1 và 1.2 của hợp đồng. Nếu ông C1 không làm được thì phải hủy Hợp đồng đó đi, trả lại bà số tiền đã thu.

Do vậy bà H làm đơn khởi kiện Công ty L4 ra Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm và đề nghị:

1. Đề nghị Tòa án tuyên hủy Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 07/2019/HĐPL-HN ngày 30/7/2019 giữa nguyên đơn bà Trần Thị Kim H với bị đơn Công ty L4 do vi phạm nghĩa vụ của Hợp đồng.

2. Đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng nói trên vô hiệu do bị lừa dối và giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu.

2. Đề nghị ông C1 - Giám đốc Công ty L4 phải trả lại cho bà Trần Thị Kim H số tiền 50.000.000 đồng mà ông C1 đã nhận theo Phiếu thu.

3. Buộc ông C1 - Giám đốc Công ty L4 phải trả cho bà Trần Thị Kim H số tiền lãi tính theo lãi suất Ngân hàng N1 là 12%/năm kể từ ngày 30/7/2019 (là ngày ông C1 nhận tiền) đến khi mở phiên tòa xét xử. Tạm tính từ ngày 30/7/2019 (là ngày ông C1 nhận tiền) đến 19/5/2023 là 03 năm 10 tháng x 30 ngày/tháng x 50.000.000 đồng x 12% : 360 = 19.013.900 đồng.

Tổng cộng cả tiền gốc và tiền lãi là 69.013.900.000 đồng.

*** Bị đơn - Công ty L4 - do ông Vũ Mạnh C1 là đại diện theo pháp luật trình bày:** Ngày 30/7/2019 giữa Công ty L4 do ông Vũ Mạnh C1 đại diện theo pháp luật và bà Trần Thị Kim H có ký Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 07/2019/HĐPL-HN. Trước khi lý kết Hợp đồng dịch vụ pháp lý, ông C1 đã làm việc trực tiếp với bà H, đưa bà H xem Hợp đồng, đọc lại toàn văn bản hợp đồng cho bà H nghe. Sau khi nghe xong bà H đồng ý ký kết và cam kết thực hiện đúng nội dung Hợp đồng. Cùng ngày, bà H đã ký Đơn yêu cầu Luật sư, trong đó yêu cầu Công ty L4 cử Luật sư thu thập, nghiên cứu hồ sơ và tư vấn, tham gia tố tụng theo như nội dung của Hợp đồng dịch vụ pháp lý đã ký. Ngay sau khi ký Hợp đồng dịch vụ pháp lý, ông C1 là người trực tiếp tư vấn ngoài giờ hành chính cho bà H với lý do ban ngày bà H phải đi làm. Ông là người đã thu thập hồ sơ và tư vấn cho bà H 04 buổi ngoài giờ vào tháng 7 và tháng 8 năm 2019, có hôm tư vấn đến 23h15'. Quá trình nghiên cứu hồ sơ bà H cung cấp nhận thấy sự việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự của một số tổ chức, cá nhân gây thiệt hại về tài sản cho bà H nên ông đã tư vấn bà H nội dung vụ việc, dẫn chiếu các quy định của pháp luật và đưa ra phương án tối ưu nhất để có thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H, sau đó ông đã soạn thỏa "Đơn tố cáo" cho bà H ký tên vào đơn. Tháng 9 năm 2019 ông đã liên hệ với Cơ quan CSĐT - Công an thành phố H để hướng dẫn nộp đơn tố cáo, ông đã gọi điện cho bà Trần Thị Kim H, bà Lê Thị T1 là hai người đại diện những người bị hại đến cơ quan công an nộp đơn tố cáo. Căn cứ Hợp đồng dịch vụ pháp lý đã ký, tại khoản 3.1 điều 3 ghi rõ Bên A (bà H) phải nộp một khoản phí là 50.000.000 đồng và số phí này không hoàn lại trong bất cứ trường hợp nào để bên B (Công ty L4) tham gia tư vấn, thu thập , nghiên cứu hồ sơ, soạn thảo văn bản, khi bên B tham gia tố tụng thì bên A phải tạm ứng theo thông báo của bên B quy định tại khoản 3.1, 3.2

điều 3 Hợp đồng, ông đã và đang thực hiện công việc của mình theo hợp đồng và trong thời hạn của Hợp đồng, điều 2 Hợp đồng quy định về "*thời hạn thực hiện kể từ ngày hai bên ký kết cho đến khi giải quyết dứt điểm mọi tranh chấp nếu có liên quan đến vụ việc nói trên và/hoặc kết thúc phiên tòa phúc thẩm (nếu có).*"

Việc bà H nói Công ty L4 chưa làm gì là hoàn toàn bịa đặt do tất cả các buổi tư vấn đều có bà H, bà Lê Thị T1, ông Vũ Văn Đ, bà B, ông L và rất nhiều người ngồi nghe và hỏi. Toàn bộ chứng cứ gồm Hợp đồng dịch vụ pháp lý, đơn yêu cầu luật sư, đơn tố cáo gửi cơ quan công an (do bà B, ông L và một số cá nhân khác ký) đã được Công ty L4 nộp cho Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm nhằm chứng minh cho việc Công ty L4 đã thực hiện đúng nội dung hợp đồng dịch vụ pháp lý, đúng quy định pháp luật.

Ông C1 cho rằng, việc bà H yêu cầu hủy Hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa 2 bên và bà H đòi lại phí là không có căn cứ, không đúng cam kết trong Hợp đồng do đó Công ty L4 không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim H.

Người làm chứng bà Lê Thị T1 trình bày: Bà và bà Trần Thị Kim H quen biết nhau vì là ở cùng phường L, quận L, Hà Nội, và bà quen chị Phan Thị Thương H2 do bà là người mua bảo hiểm nhân tho do chị H2 bán. Bà có quen biết luật sư Vũ Mạnh C1 do có sự giới thiệu của chị H2. Khoảng tháng 7/2019 nhà bà bị cơ quan Thi hành án gửi giấy báo lấy nhà, bà lo lắng và có nói chuyện với chị H2 và được chị H2 giới thiệu cho luật sư C1 với mong muốn được luật sư C1 tư vấn, giúp đỡ về mặt pháp lý để giữ lại được ngôi nhà của bà. Sau đó bà giới thiệu về luật sư C1 với bà Trần Thị Kim H, bà và bà H và luật sư C1 có làm việc với nhau 02 lần tại nhà riêng của bà ở địa chỉ số nhà A ngách F ngõ F Cụm T, phường L, quận L, Hà Nội. Khoảng ngày 23/7/2019 bà và luật sư C1 có buổi làm việc đầu tiên, ngày 30/7/2019 bà và luật sư C1 có buổi làm việc thứ 2 với nội dung luật sư lập bản Hợp đồng dịch vụ pháp lý, sau khi thỏa thuận và thống nhất luật sư C1 và bà H ký kết Hợp đồng dịch vụ pháp lý với nhau. Nội dung Hợp đồng như thế nào bà không rõ. Ngày 30/8/2019 luật sư C1 đưa bà cùng bà H tới cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố H ở địa chỉ E L, H, Hà Nội để nộp đơn tố cáo những người đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà và bà H. Khi đến nơi luật sư C1 bảo bà và bà H ngồi chờ phía bên ngoài, luật sư C1 vào trong trụ sở cơ quan cảnh sát điều tra làm việc. Khoảng 15-20 phút sau luật sư ra và nói bà với bà H về, bà không rõ nội dung làm việc giữa luật sư C1 và cơ quan công an.

Nay bà Trần Thị Kim H khởi kiện Công ty L4 ra Tòa án, với tư cách là người làm chứng bà cam đoan những lời khai của bà là sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật, và bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ kiện của bà H theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng chị Phan Thị Thương H2 trình bày: Chị biết bà Lê Thị T1 vì bà T1 là khách hàng mua bảo hiểm nhân thọ do chị bán. Chị biết luật sư C1 qua người bạn học cùng cấp 3 giới thiệu. Chị có đưa luật sư C1 đến nhà bà T1 02 buổi, buổi thứ nhất vào khoảng ngày 23/7/2019, chị dẫn luật sư C1 đến nhà bà T1 tư vấn khoảng 02 tiếng với nhiều vấn đề, nội dung cụ thể thì chị không rõ. Buổi làm việc thứ 2 vào khoảng ngày 30/7/2019 chị lại dẫn luật sư C1 đến nhà bà T1 làm việc cùng bà T1 có bà Trần Thị Kim H, ông Vũ Văn Đ1, bà Nguyễn Thị N, ông Phùng Quốc L1, bà Nguyễn Thị L2, bà Nguyễn Thị C2, ông Bùi Văn L3, bà Trương Thị B1, bà Nguyễn Thị B2, bà Nguyễn Thị T3, bà Nguyễn Thúy B3 với nội dung làm việc luật sư C1 soạn hợp đồng dịch vụ pháp lý, chị là người đọc lại cho mọi người cùng nghe. Chị chỉ là người giới thiệu luật sư C1 và dẫn luật sư C1 đến nhà bà T1 để làm việc với các ông bà có tên ở trên chứ chị không phải là thư ký của ông Cường, không phải nhân viên Công ty luật TNHH Hải Nam.

Nay Tòa án đưa chị vaò tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng, chị xin cam đoan những lời khai là hoàn toàn sự thât, nếu sai chị xin chịu trách nhiệm trước pháp luật, và chị xin được vắng mặt tại các buổi làm việc cũng như tại phiên tòa xét xử.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Trần Thị Kim H, người đại diện theo ủy quyền của bà H là bà C và ông H1 cùng trình bày:

-*Nguyên đơn xin rút yêu cầu*: Đề nghị Tòa án tuyên Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 07/2019/HĐPL-HN ngày 30/7/2019 giữa bà Trần Thị Kim H và Công ty L5 do bị lừa dối trong quá trình thực hiện hợp đồng theo Điều 127 và Điều 131 của Bộ luật dân sự năm 2015

-*Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện*: Tại Tòa án nguyên đơn yêu cầu Công ty L4 do ông Vũ Mạnh C1 đại diện theo pháp luật phải trả lãi là 12%/năm. Nay tại phiên tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu lãi là 10%/năm.

- *Các yêu cầu khác nguyên đơn vẫn giữ nguyên*, cụ thể:

1. Tuyên hủy Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 07/2019/HĐPL-HN ngày 30/7/2019 giữa bà Trần Thị Kim H và Công ty L4 theo Điều 423 và Điều 427 của Bộ luật dân sự năm 2015 do Công ty L4 đã vi phạm việc thực hiện nghĩa vụ khi ký kết Hợp đồng.

2. Yêu cầu giải quyết hậu quả của việc hủy bỏ Hợp đồng theo điều 427 Bộ luật Dân sự 2015. Buộc bị đơn Công ty L4 phải trả cho nguyên đơn bà Trần Thị Kim H số tiền phí dịch vụ đã đóng là 50.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh (do ông C1 chiếm dụng số tiền của bà H) tính từ 30/7/2019 đến đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 27/7/2023 là: 4 năm x 50.000.000 đồng x 10%/năm = 20.000.000 đồng. Tổng cộng cả tiền gốc và tiền lãi là 70.000.000 đồng.

***** Bị đơn Công ty L4 do ông Vũ Mạnh C1 đại diện theo pháp luật: Có Đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại các Bản tự khai, Văn bản ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 39/2023/DS-ST ngày 27/7/2023 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm đã quyết định:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 127; 131; 423; 427;429; 513; 514; 515; 516; 517; 518; 519 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: **1.** Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim H đối với bị đơn Công ty L4,về việc: Yêu cầu hủy Hợp đồng dich vụ pháp lý số 07/2019/HĐPL-HN ngày 30/7/2019.

2. Xác định Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 07/2019/HĐPL-HN ngày 30/7/2019 giữa bà Trần Thị Kim H và Công ty L4 có hiệu lực pháp luật.

3. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Kim H buộc bị đơn Công ty L4 phải trả lại cho nguyên đơn bà Trần Thị Kim H số tiền phí dịch vụ theo Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 07/2019/HĐPL-HN ngày 30/7/2019 là 50.000.000 đồng; lãi là 20.000.000 đồng. Tổng cộng là: 70.000.000 đồng (*bẩy mươi triệu đồng*).

4. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc: Đề nghị Tòa án tuyên Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 07/2019/HĐPL-HN ngày 30/7/2019 giữa bà Trần Thị Kim H và Công ty L5 do bị lừa dối trong quá trình thực hiện hợp đồng theo Điều 127 và Điều 131 của Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Trần Thị Kim H được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn Công ty L4 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, nguyên đơn bà Trần Thị Kim H kháng cáo hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 39/2023/DS-ST ngày 27/7/2023 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Về giải quyết nội dung vụ án: Sau khi phân tích đại diện Viện kiểm sát đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 39/2023/DS-ST ngày 27/7/2023 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa xét thấy:

*****Về thủ tục: Nguyên đơn bà Trần Thị Kim H kháng cáo theo đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận về hình thức.

* Về tố tụng: nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Xét kháng cáo của nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền xét xử: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cùng các tài liệu có trong hồ sơ đủ cơ sở xác định đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng dịch vụ pháp lý. Bị đơn Công ty L4 có trụ sở tại: D A H, quận H, Hà Nội. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, việc Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu: Tòa án tuyên Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 07/2019/HĐPL-HN ngày 30/7/2019 giữa bà Trần Thị Kim H và Công ty L5. Nên Tòa án cấp sơ thẩm "đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim H đối với bị đơn Công ty L4, về yêu cầu Tòa án tuyên Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 07/2019/HĐPL-HN ngày 30/7/2019 vô hiệu" là đúng quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm, đại diện ủy quyền của nguyên đơn có đơn trình bày: bà Trần Thị Kim H cùng một số người khác có đơn tố giác tội phạm đối với ông Vũ Mạnh C1-giám đốc công ty L4 có dấu hiệu lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Qua xác minh, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận L đã ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 839/QĐ-CQĐT(ĐTTH) ngày 13/02/2024 và cung cấp cho Tòa án quyết định này.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử phúc thẩm vẫn xét xử vụ án theo quy định của Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn

2.1. Xét tính hợp pháp của Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 07/2019/HĐPL-HN ngày 30/7/2019 giữa bà Trần Thị Kim H và Công ty L4.

Nhận thấy: Ngày 30/7/2019 giữa Công ty L4 và bà Trần Thị Kim H có ký Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 07/2019/HĐPL-HN. Nội dung của Hợp đồng như sau:

Bên A (tức bà Trần Thị Kim H) đồng ý thuê bên B (tức Công ty L4) và bên B đồng ý nhận tư vấn pháp luật và thực hiện dịch vụ pháp lý cho bên A, bao gồm các công việc cụ thể sau:

1. Thu thập, xác minh, nghiên cứu và đánh giá hồ sơ, tài liệu, chứng cứ trong vụ việc tranh chấp vay nợ, thế chấp, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do bên A là chủ sở hữu. Bên A cho rằng tài sản trên bị lừa đảo, chiếm đoạt.

2. Soạn thảo các văn bản, đơn từ đề nghị hoặc phối hợp với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để giải quyết vụ việc.

3. Thay mặt và đại diện bên A liên hệ và làm việc với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân có liên quan để giải quyết các tranh chấp nói trên hoặc tham gia tố tụng để bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bên A. Soạn thảo các văn bản, đơn từ để bên A gửi đến các cơ quan chức năng.

- Về hình thức của Hợp đồng: Hợp đồng được lập thành văn bản, có chữ ký của người đại diện Công ty L4 và có đóng dấu của Công ty L4 là bên thực hiện dịch vụ và chữ ký của bà Trần Thị Kim H - bên thuê dịch vụ. Như vậy, hình thức của Hợp đồng dịch vụ pháp lý phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về nội dung của Hợp đồng: Căn cứ lời khai của hai bên đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy, trước khi ký kết Hợp đồng, Công ty L4 do ông C1 là đại diện đã làm việc trực tiếp với bà H, đưa bà H xem Hợp đồng, đọc lại cho bà H nghe. Sau đó, bà H đồng ý ký kết và cam kết thực hiện đúng nội dung Hợp đồng. Tại Hợp đồng dịch vụ pháp lý có thoả thuận về nội dung dịch vụ, thời hạn Hợp đồng, phí Hợp đồng cũng như quyền và nghĩa vụ của các bên. Các thoả thuận trên phù hợp với quy định của pháp luật Dân sự cũng như không trái đạo đức xã hội.

2.2. Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc đề nghị Toà án tuyên huỷ Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 07 ngày 30/7/2019 giữa nguyên đơn bà Trần Thị Kim H với bị đơn Công ty L4 do Công ty L4 đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ theo Điều 423 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 423 của Bộ luật dân sự năm 2015, quy định:

Huỷ bỏ hợp đồng:

"1. Một bên có quyền hủy bỏ hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại trong trường hợp sau đây:

a) Bên kia vi phạm hợp đồng là điều kiện hủy bỏ mà các bên đã thỏa thuận;

b) Bên kia vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ hợp đồng;

c) Trường hợp khác do luật quy định.

2. Vi phạm nghiêm trọng là việc không thực hiện đúng nghĩa vụ của một bên đến mức làm cho bên kia không đạt được mục đích của việc giao kết hợp đồng.

3. Bên hủy bỏ hợp đồng phải thông báo ngay cho bên kia biết về việc hủy bỏ, nếu không thông báo mà gây thiệt hại thì phải bồi thường.

Quá trình thực hiện Hợp đồng: Sau khi ký kết Hợp đồng dịch vụ pháp lý, bà H đã nộp phí 50.000.000 đồng cho Công ty L4. Đồng thời đã ký Đơn yêu cầu Luật sư, trong đó yêu cầu Công ty L4 cử Luật sư thu thập, nghiên cứu hồ sơ và tư vấn, tham gia tố tụng theo như nội dung của Hợp đồng dịch vụ pháp lý đã ký.

Công ty L4 đã cử Luật sư là ông C1 trực tiếp tư vấn ngoài giờ hành chính cho bà H. Ông C1 là người đã thu thập hồ sơ và tư vấn cho bà H 04 buổi vào thời điểm tháng 7, tháng 8/2019. Quá trình nghiên cứu hồ sơ do bà B1 cung cấp, nhận thấy sự việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự nên ông C1 đã tư vấn cho bà H làm "Đơn tố cáo". Ông C1 đã soạn "Đơn tố cáo" và chuyển cho bà H đọc, và bà B1 đồng ý ký đơn. Sau khi bà H ký Đơn tố cáo, ông C1 đã liên hệ với Văn phòng Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H để được hướng dẫn nộp đơn. Do bà H và bà T1 là người đại diện cho bà B1 không biết đường nên ông C1 đã chỉ đường và đợi bà H và bà T1 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - số 55 L, quận H, Thành phố Hà Nội để nộp Đơn tố cáo. Tại đơn đề nghị trả lại tiền (lần 2) ngày 11/6/2020 của rất nhiều người gửi ông Vũ Mạnh C1 (trong đó có bà Trần Thị Kim H) có nội dung: " Sau khi chúng tôi nộp tiền cho ông, với tổng số tiền lên đến 682.000.000 đồng thì ngoài một số việc ông đã hướng dẫn trợ giúp chúng tôi như: chuẩn bị đơn tố cáo, cùng một số người đại diện đi đến Cơ quan công an Thành phố H để nộp đơn, trình bày thêm một số nội dung liên quan đến đơn thư thì công việc hợp tác giữa ông và chúng tôi cũng chưa được tiến hành gì thêm, kết quả thu lại không có gì…Thế nhưng, sau khi gửi đơn lần thứ nhất, chúng tôi thấy rằng ông vẫn có thái độ bất cẩn, bất hợp tác, coi thường quyền lợi của chúng tôi, nên chúng tôi tiếp tục gửi đơn này đến ông với yêu cầu giải quyết chuyện tiền nong mà ông đã nhận của chúng tôi; sau khi đã trừ đi phần giá trị công sức nhỏ bé mà ông đã làm cho chúng tôi như đã nói ở phần trên ". Như vậy, từ 11/6/2020, bà H đã thể hiện ý chí mong muốn chấm dứt hợp đồng dịch vụ pháp lý với Công ty L4

Như vậy, Hội đồng xét xử khẳng định Công ty L4 đã thực hiện đúng các nội dung đã thỏa thuận trong Hợp đồng.

Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Tòa án tuyên huỷ Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 07 ngày 30/7/2019 là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.3. Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về việc buộc bị đơn Công ty TNHH L4 phải hoàn trả lại số tiền phí mà nguyên đơn đã nộp là 50.000.000 đồng và lãi phát sinh tính đến thời điểm xét xử là 20.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy, tại mục 3.1 Điều 3 của Hợp đồng dịch vụ pháp lý có thoả thuận về khoản phí này để thực hiện các nội dung cho điều 1.1 và 1.2, gồm: *"Thu thập, xác minh, nghiên cứu và đánh giá hồ sơ, tài liệu, chứng cứ trong vụ việc tranh chấp vay nợ, thế chấp, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do bên A là chủ sở hữu. Bên A cho rằng tài sản trên bị lừa đảo, chiếm đoạt; soạn thảo các văn bản, đơn từ đề nghị hoặc phối hợp với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để giải quyết vụ việc"*

Và ghi rõ: "*Khoản phí này không được hoàn lại trong bất cứ trường hợp nào*".

Thỏa thuận trên không trái quy định của pháp luật. Thực tế, Công ty L4 đã thực hiện các nội dung theo đúng quy định tại mục 1.1 và 1.2 Điều 1 của Hợp đồng, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 519 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Khoản 1 Điều 519 của Bộ luật dân sự năm 2015, quy định như sau*:*

"1. Bên sử dụng dịch vụ phải trả tiền dịch vụ theo thỏa thuận."

Do đó, bà B1 phải trả phí 50.000.000 đồng cho Công ty L4 là đúng theo thỏa thuận tại Hợp đồng dịch vụ pháp lý và phù hợp với quy định của pháp luật nên không có căn cứ để nguyên đơn buộc bị đơn Công ty L4 phải trả lại số tiền 50.000.000 đồng theo như yêu cầu của nguyên đơn.

2.4. Xét yêu cầu của Nguyên đơn buộc bị đơn phải trả tiền lãi phát sinh tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 27/7/2023 là 20.000.000 đồng.

Do yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền phí dịch vụ pháp lý 50.000.000 đồng không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên yêu cầu về lãi suất của nguyên đơn không có căn cứ và cũng không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn nhưng cần sửa bản án sơ thẩm về cách tuyên án và điều luật áp dụng.

Nhận định của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tại phiên tòa về cơ bản là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[3]. Về án phí: bà H được miễn án phí dân sự sơ thẩm, miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - *Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 148, khoản 2 Điều 244, Điều 296, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.*

- Các Điều 117, 119, 423, 513, 514, 515, 516, 517, 518, 519 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 39/2023/DS-ST ngày 27/7/2023 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, cụ thể:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim H đối với bị đơn Công ty L4 về "Yêu cầu hủy Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 07/2019/HĐPL-HN ngày 30/7/2019 giữa bà Trần Thị Kim H và Công ty L4".

Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 07/2019/HĐPL-HN ngày 30/7/2019 giữa bà Trần Thị Kim H và Công ty L4 có hiệu lực pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Kim H buộc bị đơn Công ty L4 phải trả lại cho nguyên đơn bà Trần Thị Kim H số tiền phí dịch vụ theo Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 07/2019/HĐPL-HN ngày 30/7/2019 là

50.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 30/7/2023 là 20.000.000 đồng (Tổng cộng là 70.000.000 đồng).

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim H đối với bị đơn Công ty L4, về yêu cầu Tòa án tuyên Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 07/2019/HĐPL-HN ngày 30/7/2019, giữa bà Trần Thị Kim H và Công ty L5.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị Kim H được miễn án phí dân sự sơ thẩm, miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Các thẩm phán | Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND quận Hoàn Kiếm;
- Chi cục THADS quận Hoàn Kiếm;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Tuấn Anh